

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH: NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

MÃ SỐ: 7340101

*(Ban hành theo Quyết định số 2336 /QĐ-ĐHKT ngày 16 tháng 08 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Quản trị kinh doanh
 - + Tiếng Anh: Business Administration
- Mã số ngành đào tạo: 7340101
- Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh (Chương trình đào tạo chất lượng cao)
 - + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Business Administration (Honors Program)
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN

2. Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu của chương trình Quản trị kinh doanh CLC là nhằm cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực chất lượng cao, có tư duy hiện đại, có tinh thần và năng lực khởi nghiệp, có khả năng thích nghi với môi trường hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu và rộng của Việt Nam.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

- Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi THPT quốc gia và phương thức tuyển sinh theo hướng dẫn tuyển sinh hàng năm của ĐHQGHN;

- Tổ hợp môn thi và phương thức tuyển sinh chính thức sẽ được thực hiện theo văn bản hướng dẫn tuyển sinh hàng năm của ĐHQGHN;

3.2. Dự kiến quy mô tuyển sinh

Quy mô tuyển sinh được xác định theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và căn cứ vào tình hình thực tế qua các năm.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

Có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh, nắm vững kỹ thuật và có kiến thức thực tế để giải quyết các công việc phức tạp; tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực được đào tạo để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực Quản trị kinh doanh.

1.1 Kiến thức chung

1.1.1 Kiến thức về lý luận chính trị

- Hiểu được những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Vận dụng được thực tiễn hệ thống tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin vào trong công việc cũng như trong cuộc sống.

1.1.2 Kiến thức về tin học

- Sử dụng thành thạo và khai thác được các tính năng nâng cao của các phần mềm văn phòng thông dụng,

- Biết phân tích các cơ sở dữ liệu của Việt Nam và thế giới.

1.1.3 Kiến thức về ngoại ngữ

- Chuẩn đầu ra tiếng Anh bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Sử dụng thành thạo tiếng Anh giao tiếp tại các cuộc trao đổi, hội nghị, hội thảo quốc tế.

1.1.4 Giáo dục thể chất và quốc phòng an ninh

- Hiểu được nội dung cơ bản về đường lối quân sự và nhiệm vụ công tác quốc phòng – an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới.

- Vận dụng kiến thức đã học vào điều kiện tác chiến thông thường.

- Hiểu được những kiến thức khoa học cơ bản trong lĩnh vực thể dục, thể thao

- Vận dụng được các kiến thức khoa học cơ bản trong lĩnh vực thể dục, thể thao vào quá trình tập luyện và tự rèn luyện, ngăn ngừa các chấn thương cứng cổ và tăng cường sức khỏe.

- Sử dụng được các bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn đặc thù.

- Vận dụng những kỹ thuật, chiến thuật cơ bản, luật thi đấu vào các hoạt động thể thao ngoại khóa cộng đồng.

1.2 Kiến thức theo lĩnh vực

- Vận dụng các kiến thức toán cao cấp trong công việc thống kê, xử lý số liệu và các tính toán liên quan đến ngành đào tạo;
- Sử dụng được các phần mềm thống kê cơ bản
- Phân tích được các bài toán kinh tế đơn giản; các hiện tượng kinh tế xã hội
- Đánh giá được các hiện tượng kinh tế xã hội phục vụ cho công việc

1.3 Kiến thức theo khối ngành

- Vận dụng được những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật để giải quyết được các vấn đề cụ thể nảy sinh trong các hoạt động kinh tế;
- Vận dụng được những kiến thức cơ bản và nâng cao của kinh tế học vào công việc chuyên môn, nghề nghiệp
- Vận dụng được phương pháp toán kinh tế để giải quyết các tình huống thực tế trong công việc
- Vận dụng được phương pháp thu thập thông tin để tổng hợp, thống kê dữ liệu phục vụ cho công việc
- Vận dụng được các phương thức quản lý nhóm làm việc hiệu quả trong thực tiễn công việc
- Phân tích được các dữ liệu thống kê kinh tế phục vụ cho công việc
- Đánh giá được các vấn đề kinh tế, có thể dự báo được kinh tế trong tương lai

1.4 Kiến thức theo nhóm ngành

- Hiểu được các kiến thức cơ bản của nhóm ngành kinh tế làm nền tảng lý luận và thực tiễn của ngành quản trị kinh doanh;
- Áp dụng được các kiến thức cơ bản của nhóm ngành kinh tế vào thực tiễn công việc
- Hiểu được mục tiêu, bản chất của nghiên cứu khoa học
- Áp dụng được các phương pháp nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực kinh tế;

1.5 Kiến thức ngành

- Hiểu được các kiến thức, các nguyên lý cơ bản và nâng cao của quản trị kinh doanh
- Vận dụng được kiến thức đã học vào việc xử lý các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực kinh doanh; bước đầu tham gia đề xuất, và thực hiện các kế hoạch: kinh doanh và marketing, nhân sự, tài chính của doanh nghiệp.

- Phân tích được các ý tưởng kinh doanh và triển khai được ý tưởng vào trong thực tiễn
- Đánh giá được hiệu quả của các hoạt động kinh doanh.

2. Về kỹ năng

2.1 Kỹ năng chuyên môn

2.1.1 Các kỹ năng nghề nghiệp

- Có năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn hoạt động quản trị kinh doanh; bước đầu hình thành năng lực phát triển nghề nghiệp;
- Có các kỹ năng quản trị hiệu quả để phân tích và giải quyết các tình huống quản trị thực tiễn.

2.1.2 Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề

- Có kỹ năng lập luận, phát hiện và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

2.1.3 Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức

- Có khả năng khám phá và nghiên cứu kiến thức trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

2.1.4 Khả năng tư duy theo hệ thống

- Có khả năng lập luận, tư duy theo hệ thống các vấn đề thực tiễn của lĩnh vực quản trị kinh doanh

2.1.5 Hiểu biết cảnh xã hội và ngoại cảnh

- Có thể nhận thức được bối cảnh xã hội, ngoại cảnh để áp dụng vào các hoạt động trong lĩnh vực QTKD.

2.1.6 Hiểu biết cảnh tổ chức

- Có thể nhận thức được bối cảnh tổ chức để áp dụng vào việc giải quyết các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực QTKD.

2.1.7 Năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn

- Có năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn;
- Có năng lực phân tích yêu cầu, đề xuất giải pháp và thực thi giải pháp.

2.1.8 Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp

Có sáng tạo trong quá trình thực hiện công việc cụ thể, tích lũy kinh nghiệm để có thể đảm đương những công việc ở những vị trí khác nhau trong tổ chức.

2.2 Kỹ năng bổ trợ

2.2.1 Các kỹ năng cá nhân

- Có kỹ năng làm việc độc lập; tự học hỏi và tìm tòi, làm việc có kế hoạch và khoa học; định hướng mục tiêu phát triển của bản thân;
- Có kỹ năng quản lý thời gian, phân bổ công việc cá nhân hợp lý;

2.2.2 Làm việc theo nhóm

- Có khả năng làm việc nhóm và hợp tác tốt với các thành viên nhóm làm việc;
- Biết cách chia sẻ thông tin và điều hoà các mối quan hệ trong nhóm;
- Có kỹ năng làm việc trong các nhóm khác nhau.

2.2.3 Quản lý và lãnh đạo

- Có một số kỹ năng quản lý và lãnh đạo như kỹ năng thuyết phục, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng trao quyền.

2.2.4 Kỹ năng giao tiếp

- Biết cách lập luận, sắp xếp ý tưởng;
- Có kỹ năng giao tiếp tốt (kỹ năng thuyết trình và đàm phán trong kinh doanh; kỹ năng giao dịch qua điện thoại, e-mail)

2.2.5 Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ

- Có kỹ năng giao tiếp tốt bằng tiếng Anh tương đương bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2.2.6 Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành

- Có khả năng sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành trong trao đổi, làm việc, giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc.

2.2.7 Các kỹ năng bổ trợ khác

- Có thể dùng thành thạo Microsoft Office (Word, Excel, Power Point) và một số phần mềm thống kê trong phân tích kinh doanh;
- Có thể sử dụng thành thạo Internet và các thiết bị văn phòng.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều

phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

4. Về phẩm chất đạo đức

4.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Tự tin, linh hoạt, dám đương đầu với rủi ro, nhiệt tình, say mê sáng tạo, tinh thần tự tôn, hiểu biết văn hóa...,
- Có khát vọng trở thành doanh nhân, nhà lãnh đạo, chuyên gia cao cấp.

4.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Mạo hiểm và quyết đoán trong kinh doanh;
- Có khả năng làm việc dưới áp lực cao và môi trường biến động;
- Luôn giữ chữ tín và cam kết, tuân thủ nội quy, quy định của doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

4.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

- Tôn trọng pháp luật, làm việc với tinh thần kỷ luật cao;
- Có lối sống tích cực, và có tinh thần hướng về cộng đồng.

5. Các vị trí công tác có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp

▪ **Nhóm 1 - Doanh nhân khởi nghiệp:** có khả năng tự khởi nghiệp, tạo lập và điều hành hoạt động kinh doanh, quản lý điều hành doanh nghiệp rất nhỏ, nhỏ và vừa.

▪ **Nhóm 2 - Chuyên viên (chuyên viên marketing, bán hàng, nhân sự, kế toán...):** Có khả năng thích ứng trong môi trường công việc có tính cạnh tranh cao, có đủ năng lực làm việc tại các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, tổ chức khác trong và ngoài nước; có thể đảm nhận các công việc như bán hàng, marketing, tài chính, nhân sự...; triển vọng phát triển trong tương lai có thể trở thành trưởng các phòng/ban, giám đốc bộ phận và dự án, giám đốc, tổng giám đốc.

▪ **Nhóm 3 - Trợ lý và thư ký:** Có khả năng đảm nhận công việc trợ lý hoặc thư ký ban giám đốc, hội đồng quản trị, trợ lý giám đốc của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế và các tổ chức khác trong và ngoài nước; có thể đảm nhận các công việc: trợ lý phân tích, tổng hợp các báo cáo và tham mưu về các mảng hoạt động trong doanh nghiệp như chiến lược kinh doanh, nhân lực, marketing, tài chính, hỗ trợ trong giao dịch với đối tác, sắp xếp kế hoạch công tác cho lãnh đạo...; triển vọng trong tương lai có thể trở thành trưởng các bộ phận/phòng, ban, giám đốc bộ phận, giám đốc, tổng giám đốc.

6. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có đủ kiến thức, năng lực chuyên học phần và kỹ năng nghề nghiệp để tiếp tục học tập, nghiên cứu sâu hơn ở bậc cao học hoặc tiến sĩ để trở thành nhà nghiên cứu và giảng viên về lĩnh vực quản trị kinh doanh tại các cơ quan/tổ chức trong và ngoài nước có liên quan.

Có thể tiếp tục học tập ở bậc cao học hoặc tiến sĩ tại ĐHQGHN với các điều kiện xét tuyển tương ứng theo quy định hoặc có thể tiếp tục theo học các chương trình đào tạo trong và ngoài nước theo những chuyên ngành phù hợp.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	142	tín chỉ
• Khối kiến thức chung trong ĐHQGHN: <i>(Không tính các học phần GDTC, GDQP-AN)</i>	21	tín chỉ
• Khối kiến thức chung theo lĩnh vực:	13	tín chỉ
• Khối kiến thức chung theo khối ngành: + <i>Bắt buộc: 16 tín chỉ</i> + <i>Tự chọn: 2/6 tín chỉ</i>	18	tín chỉ
• Khối kiến thức chung theo nhóm ngành: + <i>Bắt buộc: 15 tín chỉ</i> + <i>Tự chọn: 6/12 tín chỉ</i>	21	tín chỉ
• Khối kiến thức ngành: + <i>Bắt buộc: 27 tín chỉ</i> + <i>Tự chọn: 27/69 tín chỉ</i> + <i>Thực tập, thực tế: 8 tín chỉ</i> + <i>Khóa luận: 7 tín chỉ</i>	69	tín chỉ

Trong số 108 tín chỉ thuộc khối kiến thức khối ngành, nhóm ngành và ngành, có 30 tín chỉ học bằng Tiếng Anh, chiếm 27,7%.

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung (Không tính tín chỉ các học phần 8 - 9)		21				
1	PHI1006	Triết học Mác – Lênin <i>Philosophy of Marxism - Leninism</i>	3	30	15	0	
2	PEC1008	Kinh tế Chính trị Mác – Lênin <i>Political economy of Marx – Lenin</i>	2	20	10	0	PHI1006
3	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Science socialism</i>	2	30	0	0	
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2	20	10	0	
5	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of the communist Party of Vietnam</i>	2	20	10	0	
6	FLF1107	Tiếng Anh B1 <i>English B1</i>	5	20	35	20	
7	FLF1108	Tiếng Anh B2 <i>English B2</i>	5	20	35	20	FLF1107
8		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	4				
9		Giáo dục quốc phòng - an ninh <i>National Defense Education</i>	8				
II	Khối kiến thức chung theo lĩnh vực		13				
10	INT1004	Tin học cơ sở 2 <i>Introduction to Informatics 2</i>	3	17	28	0	
11	MAT1092	Toán cao cấp <i>Advanced Mathematics</i>	4	42	18	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
12	MAT1101	Xác suất và thống kê <i>Probability and Statistics</i>	3	27	18	0	MAT1092
13	MAT1005	Toán kinh tế <i>Mathematics for Economists</i>	3	27	18	0	BSA1053
III	Khối kiến thức theo khối ngành		18				
III.1	Bắt buộc		16				
14	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương <i>Introduction to Government and Law</i>	2	23	7		
15	INE1150	Kinh tế vi mô ** <i>Microeconomics</i>	4	35	10	0	
16	INE1151	Kinh tế vĩ mô ** <i>Macroeconomics</i>	4	35	10	0	INE1150
17	BSA1053	Nguyên lý thống kê kinh tế <i>Principles of Economic Statistics</i>	3	30	15	0	MAT1101
18	INE1052	Kinh tế lượng <i>Econometrics</i>	3	24	21		INT1004 BSA1053 INE1151
III.2	Tự chọn		2/6				
19	BSA1054	Kỹ năng làm việc theo nhóm <i>Teamwork Skills</i>	2	15	15	0	
20	PEC1052	Lịch sử kinh tế Việt Nam <i>Vietnamese History</i>	2	20	10	0	
21	HIS1055	Lịch sử văn minh thế giới*** <i>World Civilization History</i>	2	22	8	0	
IV	Khối kiến thức chung theo nhóm ngành		21				
IV.1	Bắt buộc		15				
22	BSA4018	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh <i>Corporate Culture and Business Ethics</i>	3	20	20	5	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
23	BSA3063	Luật doanh nghiệp*** <i>Business Law</i>	3	20	20	5	
24	BSA2004	Quản trị học* <i>Principles of Management</i>	3	20	20	5	
25	BSA2002	Nguyên lý Marketing* <i>Principles of Marketing</i>	3	22	23	0	
26	BSA2001	Nguyên lý kế toán <i>Principles of Accounting</i>	3	27	18	0	
IV.2	Tự chọn		6/12				
27	MNS4010	Hành vi tổ chức <i>Organizational Behavior</i>	3	20	20	5	
28	BSA2018	Tài chính doanh nghiệp <i>Corporate Finance</i>	3	20	20	5	BSA2001
29	BSA3064	Quản trị xung đột <i>Conflict Management</i>	3	20	20	5	
30	INE2028	Kinh doanh quốc tế* <i>International Business</i>	3	28	13	4	INE1151
V	Khởi kiến thức ngành		69				
V.1	Bắt buộc		27				
31	BSA3031	Khởi sự và tạo lập doanh nghiệp* <i>Entrepreneurship</i>	3	25	20	0	
32	BSA3065	Đại cương về phát triển doanh nghiệp*** <i>Foundation of Entrepreneurship Development</i>	3	35	10	0	
33	BSA3066	Chiến lược kinh doanh*** <i>Business Strategy</i>	3	35	10	0	
34	BSA2006	Quản trị nguồn nhân lực* <i>Human Resources Management</i>	3	35	10	0	BSA2004
35	BSA2025	Đại cương về lãnh đạo*	3	35	10	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>Foundation of Leadership</i>					
36	BSA3067	Quản trị sự thay đổi*** <i>Change Management</i>	3	35	10	0	
37	BSA3068	Quản trị rủi ro*** <i>Risk management</i>	3	35	10	0	
38	BSA2005	Quản trị chiến lược* <i>Strategic Management</i>	3	35	10	0	BSA2004
39	BSA3040	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp* <i>Corporate Social Responsibility</i>	3	25	20	0	
V.2	Tự chọn		27/69				
40	BSA3069	Đàm phán thương mại quốc tế*** <i>International Trade Negotiation</i>	3	25	20	0	
41	BSA4021	Quản trị thành tích và thù lao lao động <i>Performance and Compensation Management</i>	3	35	10	0	
42	BSA4032	Đào tạo và phát triển nhân lực <i>Human Resource Training and Development</i>	3	35	10	0	
43	BSA3035	Các mô hình ra quyết định <i>Decisions Making Models</i>	3	35	10	0	
44	BSA3012	Nghiên cứu Marketing <i>Marketing Research</i>	3	25	20	0	BSA2002
45	BSA4016	Quản trị thương hiệu <i>Brand Management</i>	3	35	10	0	BSA2002
46	BSA3013	Hành vi người tiêu dùng* <i>Consumer Behavior</i>	3	35	10	0	
47	BSA3001	Marketing quốc tế <i>International Marketing</i>	3	35	10	0	BSA2002

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
48	BSA3114	Marketing dịch vụ <i>Service Marketing</i>	3	35	10	0	BSA2002
49	BSA3115	Marketing điện tử <i>E-Marketing</i>	3	35	10	0	BSA2002
50	BSA4014	Quản trị sản xuất và tác nghiệp <i>Production and Operations Management</i>	3	30	15	0	
51	BSA3125	Quản trị chất lượng <i>Quality Management</i>	3	35	10	0	BSA4014
52	BSA4024	Quản trị công ty <i>Corporate Governance</i>	3	25	20	0	
53	BSA3070	Quản trị công nghệ*** <i>Technology Management</i>	3	35	10	0	BSA4014
54	BSA3036	Quản trị dự án <i>Project Management</i>	3	35	10	0	
55	FIB3004	Quản lý đầu tư <i>Investment Management</i>	3	30	15	0	BSA2018
56	BSA3007	Kế toán quản trị <i>Managerial Accounting</i>	3	23	22	0	BSA2001
57	BSA3009	Kiểm toán căn bản <i>Basic Auditing</i>	3	23	22	0	BSA2001
58	FIB3015	Phân tích tài chính <i>Financial Analysis</i>	3	30	15	0	BSA2018
59	FIB2003	Các thị trường và định chế tài chính <i>Financial Institutions and Markets</i>	3	30	15	0	INE1151
60	INE3066	Quản trị tài chính quốc tế*** <i>International Financial Management</i>	3	26	19	0	INE1151
61	INE3104	Thương mại điện tử	3	30	15	0	INT1004

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>E-Commerce</i>					
62	INE3001	Thương mại quốc tế <i>International Trade</i>	3	28	17	0	INE1151
V.3	<i>Thực tập, thực tế và khóa luận tốt nghiệp</i>		15				
63	BSA4001	Thực tập thực tế 1 <i>Field study 1</i>	2	0	30	0	
64	BSA4102	Thực tập thực tế 2 <i>Field study 2</i>	3	0	45	0	
65	BSA4050	Niên luận <i>Internship project</i>	3	0	45	0	
66	BSA4152	Khóa luận tốt nghiệp <i>Dissertation</i>	7	0	105	0	
		Tổng cộng	142				

Ghi chú: Học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo, nhưng kết quả đánh giá các học phần này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung các học phần và điểm trung bình chung tích lũy.

(*) Là học phần cùng tên học phần, cùng số tín chỉ, nội dung và chuẩn đầu ra nâng cao so với hệ chuẩn

(**) Là học phần cùng tên học phần nhưng tăng số tín chỉ, nội dung và chuẩn đầu ra nâng cao so với hệ chuẩn

(***) Là học phần mới nhằm đạt chuẩn đầu ra cao hơn của chương trình đào tạo

Các học phần được in đậm, nghiêng: Học phần giảng dạy bằng tiếng Anh